



SÔNG ĐÀ 11

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
Tel: 0433 545 867 Fax: 0433 542 280

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II & LŨY KẾ 30/06/2016

HÀ NỘI THÁNG 07 , NĂM 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		812.246.532.754	747.515.158.823
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.247.638.147	209.014.051.321
1	Tiền	111		45.247.638.147	129.014.051.321
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	80.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.954.889.965	14.317.908.365
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	17.839.891.600	22.688.821.388
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		(1.885.001.635)	(8.370.913.023)
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.000.000.000	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		551.129.313.543	385.770.751.301
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	505.286.883.861	355.675.435.396
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.817.135.782	31.908.155.156
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	795.721.745	795.721.745
6	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	69.566.487.505	44.587.818.301
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(46.336.915.350)	(47.196.379.297)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		186.771.283.976	129.202.123.456
1	Hàng tồn kho	141	V.7	186.771.283.976	129.202.123.456
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		9.143.407.123	9.210.324.380
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	307.576.762	382.098.371
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.832.433.919	8.824.829.567
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		3.396.442	3.396.442
5	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154	V.9	-	-
6	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN(200=220+240+250+260)	200		660.164.102.323	616.718.105.405
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		19.244.223.909	22.011.729.577
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	17.705.076.411	19.294.461.680
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216		1.539.147.498	2.717.267.897
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		427.873.075.280	445.610.596.830
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	419.932.966.158	437.545.326.844
	- Nguyên giá	222		662.141.317.680	663.282.076.408
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(242.208.351.522)	(225.736.749.564)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-

3	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7.940.109.122	8.065.269.986
	- Nguyên giá	228		9.109.699.495	9.109.699.495
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.169.590.373)	(1.044.429.509)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		188.568.438.390	121.811.899.744
1	Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		188.568.438.390	121.811.899.744
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5	Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		24.478.364.744	27.283.879.254
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	3.788.152.118	4.409.429.948
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.342.688.734	2.325.222.552
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.18	-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5	Lợi thuế thương mại	269		18.347.523.892	20.549.226.754
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.472.410.635.077	1.364.233.264.228
	CHỈ TIÊU			SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
C	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.048.358.227.750	946.559.257.170
I	Nợ ngắn hạn	310		715.046.882.123	653.210.852.653
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	231.350.398.807	152.825.826.984
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	78.619.713.319	57.551.036.654
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.22	13.582.375.694	39.409.045.253
4	Phải trả người lao động	314		30.976.483.926	27.966.501.589
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		68.612.200.210	18.129.306.062
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		683.923.378	2.650.356.798
9	Phải trả ngắn hạn khác	319		55.490.574.333	82.801.806.119
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		213.788.272.712	240.882.037.055
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		18.580.424.611	29.103.965.859
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.362.515.133	1.890.970.280
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II	Nợ dài hạn	330		333.311.345.627	293.348.404.517
1	Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	9.721.669.006	16.940.552.512
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27	-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.28	202.250.000	202.250.000
7	Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	500.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		272.855.994.098	238.202.300.402

9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.816.345.848	1.899.891.637
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		48.215.086.675	35.603.409.966
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.30	-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		424.052.407.327	417.674.007.058
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.31	424.052.407.327	417.674.007.058
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		37.566.527.623	37.566.527.623
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		20.000.000.000	20.000.000.000
4	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	418		127.652.984.979	67.247.066.956
8	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.497.047.984	104.043.433.846
11	- Lợi nhuận năm trước	421a		24.330.323.304	104.043.433.846
	- Lợi nhuận năm nay	421b		15.166.724.680	-
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.25	83.804.796.741	73.285.928.633
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	431		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.472.410.635.077	1.364.233.264.228

LẬP BIỂU



Phạm Thị Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG *stanan*



Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II và lũy kế đến 30/06/2016

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II/2016	QUÝ II/2015	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/06/2016	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	320.264.474.851	273.471.009.239	570.102.349.855	545.553.023.737
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		320.264.474.851	273.471.009.239	570.102.349.855	545.553.023.737
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	292.180.133.566	229.418.675.363	508.109.399.447	463.428.836.901
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.084.341.285	44.052.333.876	61.992.950.408	82.124.186.836
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.051.586.899	156.792.634	1.805.388.710	609.795.542
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.067.245.074	(6.918.076.461)	15.904.025.361	11.507.439.904
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			7.382.141.425	3.315.169.731	14.624.326.409	6.453.722.779
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Lợi nhuận ở công ty liên kết, liên danh			-	1.990.018.810	-	1.990.018.810
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	17.540.407.200	19.183.974.022	32.733.766.530	23.286.110.994
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.528.275.910	33.933.247.759	15.160.547.227	49.930.450.290
12. Thu nhập khác	31	VI.6	7.863.199.687	1.123.901.744	8.000.795.141	1.129.881.989
13. Chi phí khác	32	VI.7	650.381.747	1.126.220.188	1.304.532.926	1.600.790.389
14. Lợi nhuận khác	40		7.212.817.940	(2.318.444)	6.696.262.215	(470.908.400)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.741.093.850	33.930.929.315	21.856.809.442	49.459.541.890

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II/2016	QUÝ II/2015	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/06/2016	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/06/2015
16. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	V.20	2.869.883.143	4.113.428.577	2.892.201.902	6.519.277.632
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.8	322.456.351	45.587.410	1.812.347.752	43.635.612
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.548.754.356	29.771.913.328	17.152.259.788	42.896.628.646
Lợi nhuận sau thuế của công ty CP SD II			5.614.880.640	29.771.913.328	15.166.724.680	42.896.628.646
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			933.873.716	-	1.985.535.108	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	338	2.577	1.165	3.564
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		338	2.577	1.165	3.564

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

LẬP BIỂU



Phạm Thị Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Văn Ngụ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Tuấn

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Lũy kế đến 30/06/2016

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ ĐẾN 30/06/2016	LŨY KẾ ĐẾN 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	568.838.100.084	243.312.956.339
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-563.257.004.723	-187.537.403.518
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-57.036.989.349	-34.239.576.773
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-10.554.878.513	-3.189.676.491
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-17.259.434.722	-6.348.557.734
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	58.576.481.118	12.460.504.172
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-134.939.221.966	-45.731.312.969
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-155.632.948.071	-21.273.066.974
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-466.410.427	-4.062.900.000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	0	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	-8.714.300.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.256.379.447	241.394.478
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	789.969.020	-12.535.805.522
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
			0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	8.533.333.000	6.500.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	226.896.102.365	56.183.670.995
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-222.392.888.188	-60.669.692.470
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-21.959.981.300	-11.210.167.250
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-8.923.434.123	-9.196.188.725
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-163.766.413.174	-43.005.061.221
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	209.014.051.321	110.417.623.221
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	45.247.638.147	67.412.562.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	45.247.638.147	67.412.562.000

LẬP BIỂU

Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Văn Ngự

Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tuấn

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 4 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT03-Vị trí 24, khu đô thị mới Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	65,28%	65,28%	70%	70%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%	0%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,1%	65,1%	65,1%	0%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Theo trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các quy định kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.256 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 2.231 nhân viên).

II. **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam – Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được xác định cho từng công trình như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm	=	Giá trị sản lượng dở dang cuối năm	-	Thu nhập chịu thuế tính trước	-	Các khoản phụ phí (nếu có)	-	Chi phí quản lý ước tính	-	Lãi vay ước tính nếu có
----------------------------------------------	---	------------------------------------	---	-------------------------------	---	----------------------------	---	--------------------------	---	-------------------------

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí bóc phủ khai thác đá

Chi phí bóc phủ khai thác đá bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7 trước khi Chi nhánh chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động khai thác đá.

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Chi phí trồng rừng thay thế

Chi phí trồng rừng thay thế được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 4 năm

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50
Máy móc và thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Tài sản cố định khác	5

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty Sông Đà 11 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng bảo hành công trình xây dựng, được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 2,5 - 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên tỷ lệ giữ lại bảo hành theo điều khoản hợp đồng xây dựng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.365.476.790	2.166.470.808
Tiền gửi ngân hàng	38.882.161.357	126.847.580.513
Các khoản tương đương tiền		80.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		80.000.000.000
Cộng	<u>45.247.638.147</u>	<u>209.014.051.321</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có chứng khoán kinh doanh. Thông tin về các khoản chứng khoán kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	22.688.821.388	14.317.908.365	(8.370.913.023)	22.688.821.388	14.317.908.365	(8.370.913.023)
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	5.952.000.000	5.684.298.365	(267.701.635)	5.952.000.000	5.684.298.365	(267.701.635)
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)	1.797.000.000	233.610.000	(1.563.390.000)
Ngân hàng TMCP quân đội	10.090.891.600	10.090.891.600				
Cộng	<u>17.839.891.600</u>	<u>15.954.889.965</u>	<u>(1.885.001.635)</u>	<u>22.688.821.388</u>	<u>14.317.908.365</u>	<u>(8.370.913.023)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(8.370.913.023)	(5.978.350.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(89.850.000)	(2.392.563.023)
Hoàn nhập dự phòng	6.575.761.388	
Số cuối năm	<u>(1.885.001.635)</u>	<u>(8.370.913.023)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>224.970.879.980</i>	<i>93.101.367.002</i>
Tổng Công ty Sông Đà	222.904.133.789	80.915.497.314
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn		
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội		342.191.931
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến		50.668.981
Công ty Cổ phần thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long		
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	95.078.406	130.149.150
Công ty Cổ phần Sông Đà 2		397.835.695
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		2.061.029.933
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	4.269.940	1.336.225.782
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	3.654.184	20.242.990
Công ty Cổ phần Sông Đà 6		1.347.773.874
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	58.823.129	442.001.747
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	161.730.572	636.877.179
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào		56.100.997
Công ty TNHH Điện Xekaman 3		1.378.038.218
Công ty TNHH Điện Xekaman 1		720.015.102
Công ty Cổ phần Someco	207.405.000	1.605.174.146
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Someco	44.786.104	44.786.104
Công ty CP ĐT& XD Sông Đà 9		68.297.726
Cty CP Sông Đà 10.9		77.218.680
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	87.826.656	87.826.656
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà Ucrin		57.229.797
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>280.316.003.881</i>	<i>262.574.068.394</i>
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	25.449.808.557	63.091.780.243
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	9.509.809.380	50.203.666.866
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	9.091.170.875	16.503.721.034
Công ty Cổ phần Cơ khí thiết bị điện Hà Nội	14.596.707.858	14.596.707.858
Phải thu khách hàng khác	221.668.507.211	118.178.192.393
Cộng	505.286.883.861	355.675.435.396

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>17.705.076.411</i>	<i>19.294.461.680</i>
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	10.198.077.359	6.944.510.305
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	2.776.376.341	2.534.141.687
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đrinh	4.730.622.712	4.730.622.712
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na		2.023.920.140
Các khách hàng khác		3.061.266.836
Cộng	17.705.076.411	19.294.461.680

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		31.908.155.156
Công ty B Fouress		4.621.875.000
Công ty cấp điện lực Kevin Việt Nam		7.224.376.237
Công ty Giải pháp Năng lượng Việt		4.291.977.431
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy biến thế và Thiết bị điện Đông Anh Hà Nội		4.124.450.000
Các nhà cung cấp khác	21.817.135.782	11.645.476.488
Cộng	<u>21.817.135.782</u>	<u>31.908.155.156</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần điện Việt Lào vay.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>			128.089.097	
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào - Lãi vay			128.089.097	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	69.566.487.505		44.459.729.204	
Ký cược, ký quỹ	117.010.502		62.468.896	
Tạm ứng	43.711.887.156		32.476.039.011	
Phải thu của CBCNV	1.188.671.303		1.680.466.848	
Phải thu các đội công trình	483.138.639		502.330.018	
Tiền cổ tức phải thu	695.750.000		695.750.000	
Tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	13.046.134.439		3.102.361.540	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	462.945.992		565.763.980	
Tổng công ty Điện lực Miền Trung (*)			287.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.860.949.474		5.087.548.911	
Cộng	<u>69.566.487.505</u>		<u>44.587.818.301</u>	

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.539.147.498	2.717.267.897
Ký cược, ký quỹ dài hạn	104.147.498	1.282.267.897
Tổng công ty Điện lực Miền Trung (*)	1.435.000.000	1.435.000.000
Cộng	<u>1.539.147.498</u>	<u>2.717.267.897</u>

(*) là khoản tiền phải thu lại theo “Biên bản thỏa thuận về việc cam kết góp và hoàn trả vốn thực hiện chống quá tải đường dây 110 kv Pleiku-Kontum”. Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa góp 2.870.000.000 đồng để Tổng công ty Điện lực Miền Trung (PC3) thực hiện đầu tư công

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trình chống quá tải đường dây 110kv Pleiku-Kontum. Sau 6 tháng kể từ khi công trình hoàn thành đóng điện vận hành, số tiền này sẽ được hoàn trả trong 10 năm (mỗi năm 10%).

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		27.695.464.637	20.684.086.025		31.394.779.371	21.684.086.025
Tổng Công ty Sông Đà						
Tiền CT nước 4 tỉnh	Trên 3 năm	364.235.777	-	Trên 3 năm	364.235.777	-
Tiền khối lượng xây lắp	Trên 3 năm	25.397.633.943	20.684.086.025	Trên 3 năm	28.096.948.677	20.684.086.025
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà						
Tiền khối lượng xây lắp	Trên 3 năm	0		Trên 3 năm	216.209.556	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền						
Tiền khối lượng xây lắp	Từ 1 đến 2 năm	1.933.594.917			2.933.594.917	1.000.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác		31.479.799.549	592.467.667		44.245.034.640	6.261.631.957
Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị điện Hà Nội						
Tiền khối lượng xây lắp	Trên 3 năm	12.156.428.764	-	Từ 2 đến 3 năm	12.156.428.764	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long						
Tiền khối lượng xây lắp	Trên 3 năm	11.768.729.092		Trên 3 năm	11.768.729.092	
Các tổ chức và cá nhân khác		7.554.641.693	592.467.667		16.916.389.465	3.355.861.370
Cộng		59.175.264.186	21.276.553.692		72.236.326.692	25.039.947.395

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Nợ phải thu ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(47.196.379.297)		(47.196.379.297)
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Hoàn nhập dự phòng	859.463.947		859.463.947
Số cuối năm	(46.336.915.350)	-	(46.336.915.350)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	19.720.978.588		25.187.060.521	
Công cụ, dụng cụ	1.182.945.735		634.090.965	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	165.867.359.653		103.380.971.970	
Cộng	186.771.283.976		129.202.123.456	

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	228.546.706	227.319.961
Chi phí bảo hiểm	13.830.056	122.326.797
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	65.200.000	32.451.613
Cộng	307.576.762	382.098.371

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	999.444.687	1.508.222.517
Chi phí bóc phủ mỏ đá		
Thương hiệu Sông Đà	237.500.000	312.500.000
Lợi thế thương mại	231.250.000	268.750.000
Chi phí trồng rừng thay thế	2.319.957.431	2.232.457.431
Phí kiểm định an toàn đập		87.500.000
Cộng	3.788.152.118	4.409.429.948

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	351.403.181.086	259.000.282.530	43.372.308.573	2.001.618.313	7.504.685.906	663.282.076.408
Tăng do mua công ty con						
Mua trong năm		1.070.225.000	93.000.000			1.163.225.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành						
Tăng khác						
Thanh lý, nhượng bán		(2.253.172.220)		(50.811.508)		(2.303.983.728)
Số cuối năm	351.403.181.086	257.817.335.310	43.465.308.573	1.950.806.805	7.504.685.906	662.141.317.680

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 413.956.007

Chờ thanh lý 641.784.219

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	82.625.618.510	106.897.997.675	31.349.665.919	1.421.635.478	3.441.831.982	225.736.749.564
Tăng do mua công ty con						
Khấu hao trong năm	5.597.265.924	10.542.943.989	1.966.269.256	91.027.170	190.080.036	18.387.586.375
Thanh lý, nhượng bán		(1.865.172.909)		(50.811.508)		(1.915.984.417)
Số cuối năm	88.222.884.434	115.575.768.755	33.315.935.175	1.461.851.140	3.631.912.018	242.208.351.552

Giá trị còn lại

Số đầu năm	268.777.562.576	152.102.284.855	12.022.642.654	579.982.835	4.062.853.924	437.545.326.844
Số cuối năm	263.180.296.652	142.241.566.555	10.149.373.398	533.310.650	3.967.813.906	419.932.966.158

Trong đó: Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 381.159.956.021 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1.1

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Lợi thế kinh doanh</u>	<u>Thương hiệu Sông Đà</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.604.680.234	-	-	2.505.019.261	9.109.699.495
Tăng do mua công ty con					
Giảm trong năm					
Số cuối năm	6.604.680.234	-	-	2.505.019.261	9.109.699.495

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	-	-	-	1.044.429.509	1.044.429.509
Tăng do mua công ty con					
Khấu hao trong năm				125.160.864	125.160.864
Giảm trong năm					
Số cuối năm				1.169.590.373	1.169.590.373

Giá trị còn lại

Số đầu năm	6.604.680.234	-	-	1.460.589.752	8.065.269.986
Số cuối năm	6.604.680.234			1.335.428.888	7.940.109.122

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển chi phí</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	499.100.000	(499.100.000)		-
Xây dựng cơ bản dở dang	121.952.727.794	67.273.760.556	-	(346.049.960)	188.568.438.390
Công trình Thủy Điện	119.285.833.932				
To Buông		65.712.148.006		(346.049.960)	184.651.931.978
Các công trình khác	2.354.893.862	1.561.612.550	-		3.916.506.412
Sửa chữa lớn tài sản cố định	171.171.950			(171.171.950)	-
Cộng	121.811.899.744	67.772.860.556	(499.100.000)	(517.221.910)	188.568.438.390

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Hoàn nhập tài sản thuế hoãn lại	Số cuối năm
Thu nhập từ bán tài sản trong nội bộ	30.068.923			30.068.923
Khấu hao của tài sản mua bán nội bộ	52.578.785	17.466.182		70.044.967
Dự phòng bảo hành công trình	2.242.574.844			2.242.574.844
Cộng	2.325.222.552	17.466.182		2.342.688.734

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 22%).

14. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.410.703.338	11.606.325.324	22.017.028.662
Tăng do hợp nhất kinh doanh			
Số cuối năm	10.410.703.338	11.606.325.324	22.017.028.662
Số đã phân bổ			
Số đầu năm	694.046.888	773.755.020	1.467.801.908
Phân bổ trong năm	1.041.070.332	1.160.632.530	2.201.702.862
Số cuối năm	1.735.117.220	1.934.387.550	3.669.504.770
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.716.656.450	10.832.570.304	20.549.226.754
Số cuối năm	8.675.586.118	9.671.937.774	18.347.523.892

15. Phải trả người bán

15a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	10.843.833.447	20.205.513.257
Tổng Công ty Sông Đà	8.807.449	335.085.416
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	59.831.900	47.508.259
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	8.472.109	8.472.109
Công ty cổ phần Sông Đà 505	1.617.000.847	
Công ty cổ phần Sông Đà 3	4.411.611.606	3.542.814.629
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà		15.052.744.388
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	4.593.4443.530	216.065.778
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	144.666.006	1.002.822.678

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	220.506.565.360	132.620.313.727
Công ty CP tập đoàn Hanaka	21.312.809.443	13.668.826.003
Công ty CP XL&DV Sông Đà	6.893.809.132	8.368.145.018
Công ty TNHH MTV Xây dựng Trần Hưng Phát		
Công ty TNHH Minh Bảo Quảng Ninh		1.198.819.928
Công ty TNHH XD&TM Nghĩa Tân		900.144.756
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	3.415.909.566	
Công ty TNHH ABB	5.020.583.056	5.020.583.056
Tổng Công ty Điện lực Lào	858.684.544	1.993.130.424
Công ty TNHH MTV TN Điện Miền Trung	4.031.416.742	4.031.416.742
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	-	5.592.212.947
Các nhà cung cấp khác	178.973.352.877	91.847.034.853
Cộng	<u>231.350.398.807</u>	<u>152.825.826.984</u>

15b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	9.721.669.006	16.940.552.512
Công ty Cổ phần Xây dựng EVN quốc tế 1	418.062.946	268.806.184
Công ty TNHH BTDS & Cơ khí Bình Dương	3.415.909.566	6.000.712.266
CTCP ống sợi thủy tinh Nghi Sơn	1.561.050.947	1.561.050.947
CTCP Đầu tư Khánh Hưng	1.054.527.862	1.338.049.898
Công ty TNHH Minh Bảo Quảng Ninh	698.819.928	1.198.819.928
CTCP xây lắp và dịch vụ Sông Đà	-	1.138.959.071
Các nhà cung cấp khác	2.573.297.757	5.434.154.218
Cộng	<u>9.721.669.006</u>	<u>16.940.552.512</u>

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	5.500.780.228	-
Tổng Công ty Sông Đà	5.500.780.228	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	73.118.933.091	57.551.036.654
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	3.343.497.095	11.919.364.926
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	16.869.000.391	19.693.703.070
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	3.826.972.617	9.426.399.718
BQL ĐTPT các cụm, điểm Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp	-	4.000.000.000
Các khách hàng khác	49.079.462.988	12.511.568.940
Cộng	<u>78.619.713.319</u>	<u>57.551.036.654</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số cuối năm		Phải nộp	Phải thu
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp		
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.983.236.119		14.446.221.181	19.224.609.218	4.448.031.682	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	243.183.600			243.183.600		
Thuế xuất, nhập khẩu						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.830.069.122	3.396.442	2.892.201.902	18.748.633.587	3.973.637.437	3.396.442
Thuế thu nhập cá nhân	833.076.506		1.514.801.198	1.858.062.283	489.815.421	
Thuế tài nguyên	1.143.252.506		1.688.001.575	2.309.179.164	522.074.917	
Thuế nhà đất	145.201		137.059.160	112.559.160	24.645.201	
Tiền thuê đất						
Thuế bảo vệ môi trường	199.231.960			199.231.960		
Các loại thuế khác			23.000.000	23.000.000		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.176.850.239		2.084.146.336	6.336.057.499	4.124.171.036	
Cộng	39.409.045.253	3.396.442	22.785.431.352	48.612.100.911	13.582.375.694	3.396.442

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (Công ty mẹ) được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty mẹ áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang thì Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Sông Miện trong 04 năm kể từ khi có lãi và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

năm tiếp theo, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp thì Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Đăk Đoa trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.027.306.784	49.459.541.890
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(6.728.516.430)	(10.288.009.838)
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	2.485.083.355	915.283.820
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(16.886.679.000)	(11.203.293.658)
Thu nhập chịu thuế	25.324.818.603	39.171.532.052
Thu nhập được miễn thuế	-12.152.418.074	
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	13.172.400.529	39.171.532.052
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.897.928.116	8.617.737.051
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông		-2.098.459.419
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.897.928.116	6.519.277.632
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.897.928.116	6.519.277.632

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 7% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4%/ giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		4.545.454
Tổng Công ty Sông Đà - Chi phí thuê nhà xưởng		4.545.454
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	68.612.200.210	18.124.760.608
Chi phí lãi vay phải trả	110.711.595	2.226.340.347
Trích trước chi phí công trình xây dựng	60.508.607.529	14.159.367.417
Chi phí chưa có hóa đơn	-	1.135.616.856
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.992.881.086	603.435.988
Cộng	68.612.200.210	18.129.306.062

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

19a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>		
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>		2.650.356.798
Hạng mục lắp đặt thiết bị cơ điện - Công trình thủy điện Đồng Nai 5		683.923.378
Hạng mục tiếp địa và móng cột - công trình thủy điện Xekaman 1		1.966.433.420
Cộng		2.650.356.798

19b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là phí ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7.

20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		2.254.000.000
Tổng Công ty Sông Đà - tiền Jurong Engineering Limited trả		2.254.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		80.547.806.119
Tài sản thừa chờ xử lý		-
Kinh phí công đoàn	1.678.895.914	1.830.261.539
Bảo hiểm xã hội	4.461.943.660	1.257.708.204
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng trả hộ chủ đầu tư	2.061.056.147	12.149.127.025
Phải trả các đội tiền khoán công trình	22.536.630.683	33.306.882.792
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	3.020.303.746	2.152.053.016

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	4.459.213.423	8.567.780.573
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.250.030.760	19.261.492.970
Cộng	55.490.574.333	82.801.806.119

20b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược		
Cộng	500.000.000	500.000.000

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>213.788.272.712</i>	<i>240.882.037.055</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng		196.807.580.069
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	63.060.392.382	40.103.268.635
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	15.623.777.823	109.779.389.797
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	98.244.490.607	46.924.921.637
- Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	10.893.213.815	
Vay ngắn hạn các tổ chức khác		1.297.330.080
<i>Vay Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Công trình ngầm Việt Nam</i>	<i>5.297.108.085</i>	<i>1.297.330.080</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	20.669.290.000	42.777.126.906
Cộng	213.788.272.712	240.882.037.055

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</u>	<u>Vay ngắn hạn các cá nhân</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	196.807.580.069	1.297.330.080	-	42.777.126.906	240.882.037.055
Số tiền vay phát sinh	191.926.397.669				191.926.397.669

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các tổ chức khác	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn					
Số tiền vay đã trả	(200.912.103.111)			(18.108.058.901)	(219.020.162.012)
Số cuối năm	187.821.874.627	1.297.330.080		24.669.068.005	213.788.272.712

21b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	260.305.543.535	232.716.164.764
Vay dài hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	133.183.334.673	111.334.591.540
- Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	5.342.882.087	5.342.882.087
- Chi nhánh Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾	3.919.862.697	3.919.862.697
- Chi nhánh Điện Biên ⁽ⁱ⁾	136.654.551.452	102.071.846.756
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ^(iv)	3.949.710.160	3.878.721.160
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công ^(v)	1.144.769.682	1.144.769.682
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Giang ^(vi)	58.590.009.004	58.590.009.004
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ^(vii)	63.254.209.016	63.254.209.016
Cộng	272.855.994.098	238.202.300.402

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ngày 12/10/2013, tổng số tiền vay 136.270.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư, xây dựng dự án do Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông đầu tư. Lãi suất bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng phí tối thiểu 5%/năm và được điều chỉnh linh hoạt theo từng thời kỳ. Thời hạn vay 180 tháng trong đó thời gian ân hạn 24 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 31/2014/HĐTDDA ngày 13 tháng 10 năm 2014 để thực hiện dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp 2014". Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.026.815.464 VND và

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2.444.197.349 VND. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng/lần.

Hợp đồng tín dụng số 19/2015/HĐTDDA/NHCT324-SĐTL ngày 06 tháng 7 năm 2015 để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng chi nhánh 11.5 Thăng Long tại thành phố Đà Nẵng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản, quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Hợp đồng tín dụng số 39/2015/HĐTDDA/NHCT324-SĐTL ngày 06 tháng 7 năm 2015 để thực hiện dự án "Đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công xây lắp". Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.673.181.818 VND và 1.522.954.478 VND. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

(v) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/TH/SDTL ngày 13 tháng 09 năm 2013 để mua máy móc thiết bị thực hiện dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2013". Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và xe ô tô đã qua sử dụng theo hợp đồng thế chấp số 01/2013/TH/SDTL ngày 12/09/2013, có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.696.508.765 VND và 588.198.727 VND. Lãi suất thả nổi từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành Công.

(vi) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 8200-LAV200901558/HĐTĐ ngày 26/3/2009 để thanh toán một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Công trình Thủy điện Sông Miện với số tiền vay tối đa là 90.000.000.000 VND (Chín mươi tỷ đồng). Lãi suất tiền vay theo lãi suất thả nổi được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hà Giang tự điều chỉnh, tối đa 6 tháng một lần. Thời hạn cho vay 132 tháng (11 năm) kể từ ngày giải ngân đầu tiên (bao gồm 2 năm ân hạn), bên vay sẽ hưởng thời hạn ân hạn là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

(vii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo các hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư sau:

Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư số 01/2007/HĐTĐ ngày 27/12/2007 để đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị Nhà máy Thủy điện Đăk Đoa với số tiền vay 125.400.000.000 VND; thời hạn vay 120 tháng (từ tháng 01/2008 đến tháng 12/2017); thời gian ân hạn gốc là 24 tháng (từ 01/2008 đến 12/2009). Lãi suất trong hạn 8,4%/năm, được giữ cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn (12,6%). Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư số 02/2007/HĐTĐ ngày 27/12/2007 để đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị Nhà máy điện Đăk Đoa với số tiền vay 52.600.000.000 VND; thời hạn vay 120 tháng (từ tháng 01/2008 đến tháng 12/2017); thời gian ân hạn gốc là 24 tháng (từ 01/2008 đến 12/2009). Lãi suất trong hạn 8,4%/năm, được giữ cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn (12,6%). Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư số 04/2011/HĐTĐĐT-NHPT.GLA ngày 27/06/2011 để thanh toán chi phí xây dựng, thiết bị của dự án Thủy điện Đăk Đoa theo Quyết định số 68/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2011 về việc phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh dự án Thủy điện Đăk Đoa với số tiền vay là 12.820.000.000 VND, thời gian vay 82 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên đến hết tháng 12/2017; thời gian ân hạn gốc là 07 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Lãi suất trong hạn: được áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng tín

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dụng (15,6%/năm). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.477.290.000	42.777.126.906
Trên 1 năm đến 5 năm	14.357.224.626	136.130.453.646
Trên 5 năm	258.498.769.472	102.071.846.756
Cộng	<u>275.333.284.098</u>	<u>280.979.427.308</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	238.202.300.402	43.647.365.018
Số tiền vay phát sinh	34.653.693.696	78.324.276.814
Lãi vay nhập gốc		3.796.698.748
Tặng do mua Công ty con		155.240.218.020
Số tiền vay đã trả		(435.000.000)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả		(42.371.258.198)
Số cuối năm	<u>275.333.284.098</u>	<u>238.202.300.402</u>

22. Dự phòng phải trả

22a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	29.103.965.859
giảm do kết chuyển sang dài hạn	(10.523.541.248)
Số cuối năm	<u>18.580.424.611</u>

22b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	35.603.409.966
Tặng do trích lập	12.611.676.409
Sử dụng dự phòng	
Số cuối năm	<u>48.215.086.375</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tặng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.890.970.280	2.418.144.853	-946.600.000	3.362.515.133
Quỹ thưởng Ban	-	500.000.000	-500.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
quản lý, điều hành				
Cộng	<u>1.890.970.280</u>	<u>2.918.144.853</u>	<u>-1.446.600.000</u>	<u>3.362.515.133</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	115.531.050.000	42.566.527.623	-	69.274.913.540	-	51.128.578.393	11.500.000.000	290.001.069.556
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	91.723.641.308	3.499.500.211	95.223.141.519
Trích lập các quỹ	-	-	-	11.572.504.525	-	(14.302.926.964)	-	(2.730.422.439)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(23.106.210.000)	-	(23.106.210.000)
Tăng giảm khác	-	(5.000.000.000)	-	(13.600.351.109)	20.000.000.000	-1.399.648.891	58.286.428.422	58.286.428.422
Số dư cuối năm trước	115.531.050.000	37.566.527.623	-	67.247.066.956	20.000.000.000	104.043.433.846	73.285.928.633	417.674.007.058
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	37.566.527.623	-	67.247.066.956	20.000.000.000	104.043.433.846	73.285.928.633	417.674.007.058
Tăng do mua thêm công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận và các quỹ	-	-	-	-	-	-	10.518.868.108	15.706.591.945
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	15.706.591.945	-	15.706.591.945
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(60.405.918.023)	-	(2.214.533.224)	-	(62.620.451.247)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(23.106.210.000)	-	(23.106.210.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	37.566.527.623	-	127.652.984.979	20.000.000.000	39.497.047.984	83.804.796.741	424.052.407.327

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Cộng	<u>115.531.050.000</u>	<u>115.531.050.000</u>

24c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.553.105	11.553.105
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu là phần vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT ngày 16/4/2015 của HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Theo đó, HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long từ 50 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng từ các nguồn sau:

	<u>VND</u>
Thặng dư vốn cổ phần	5.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	11.282.774.886
Quỹ dự phòng tài chính	2.317.576.243
Lợi nhuận năm 2014 để lại	1.399.648.891
Cộng	<u>20.000.000.000</u>

24e. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tập đoàn đã phân phối lợi nhuận như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	23.106.210.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	60.405.918.023
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	2.214.533.224

25. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
--	----------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	73.285.928.633	11.500.000.000
Tăng do mua thêm công ty con		51.786.424.422
Tăng do vốn góp trong năm	8.533.333.000	6.500.004.000
Lợi nhuận trong năm	1.985.535.108	3.499.500.211
Số cuối năm	83.804.796.741	73.285.928.633
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lũy kế đến	Lũy kế đến
	30/06/2016	30/06/2015
Doanh thu bán hàng hóa		
Doanh thu bán điện thương phẩm	44.308.961.718	14.874.454.815
Doanh thu hợp đồng xây dựng	509.423.746.212	471.397.866.027
Doanh thu hoạt động khác	16.369.641.925	59.280.702.895
Cộng	570.102.349.855	545.553.023.737
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Lũy kế đến	Lũy kế đến
	30/06/2016	30/06/2015
Hàng bán bị trả lại		
Giảm giá hàng bán		
Cộng		
3. Giá vốn hàng bán	Lũy kế đến	Lũy kế đến
	30/06/2016	30/06/2015
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	-
Giá vốn của điện thương phẩm	18.374.804.455	3.657.741.049
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	469.641.329.585	405.224.586.421
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	20.093.265.407	54.546.509.431
Cộng	508.109.399.447	463.428.836.901
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Lũy kế đến	Lũy kế đến
	30/06/2016	30/06/2015
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.251.711.459	259.005.084
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi cho vay	218.259.371	158.284.963
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		119.445.264
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	61.746.450	80.572

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế đến 30/06/2016	Lũy kế đến 30/06/2015
Phí bảo lãnh	273.671.431	72.979.659
Cộng	1.805.388.710	609.795.542
5. Chi phí tài chính		
	Lũy kế đến 30/06/2016	Lũy kế đến 30/06/2015
Chi phí lãi vay	14.624.326.409	6.589.225.155
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		
Phí cam kết tín dụng		9.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-9.848.922	
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-3.232.318.596	2.338.946.737
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác		
Phí bảo lãnh, phụ phí	4.481.296.037	2.570.268.012
Chi phí tài chính khác	40.570.433	
Cộng	15.904.025.361	11.507.439.904
6. Chi phí bán hàng		
	Lũy kế đến 30/06/2016	Lũy kế đến 30/06/2015
Chi phí cho nhân viên		
Các chi phí khác		
Cộng		
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Lũy kế đến 30/06/2016	Lũy kế đến 30/06/2015
Chi phí cho nhân viên	18.439.626.535	19.765.302.133
Chi phí vật liệu quản lý	1.378.663.768	1.559.144.363
Chi phí đồ dùng văn phòng	269.255.877	437.111.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.469.639.455	1.437.173.394
Thuế, phí và lệ phí	498.724.277	264.712.896
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(1.939.102.362)	(8.036.989.086)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.343.952.654	2.468.027.236
Lợi thế thương mại	2.201.702.862	
Các chi phí khác	7.071.303.464	5.391.628.957
Cộng	32.733.766.530	23.286.110.994
8. Thu nhập khác		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế đến 30/06/2016	Lũy kế đến 30/06/2015
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		558.265.973
Xử lý công nợ		
Bán hồ sơ thầu		
Bán xăng dầu, vật tư, công cụ		
Cho thuê cáp		
Cấp điện		327.528.952
Thu nhập khác	8.000.795.141	243.987.064
Cộng	8.000.795.141	1.129.881.989
9. Chi phí khác		
	Lũy kế đến 30/06/2016	Lũy kế đến 30/06/2015
Tồn thất dự án đầu tư	-	-
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	26.028.249	498.693.048
Xử lý công nợ		
Thuế GTGT không được khấu trừ		114.582.909
Xử lý vật tư mất		
Bán xăng dầu, vật tư, công cụ		559.659.381
Phạt chậm tiến độ theo hợp đồng		88.793.215
Lỗi thanh lý tài sản cố định		114.545.455
Chi phí khác	1.278.504.677	224.516.381
Cộng	1.304.532.926	1.304.532.926
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	Lũy kế đến 30/06/2016	Lũy kế đến 30/06/2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(10.732.139)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.734.043	1.951.798
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.816.345.848	
Cộng	1.812.347.752	1.951.798
11. Lãi trên cổ phiếu		
11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Lũy kế đến 30/06/2016	Lũy kế đến 30/06/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.166.724.680	42.896.628.646
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.706.755.244)	(1.715.865.146)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế đến 30/06/2016	Lũy kế đến 30/06/2015
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.459.969.436	41.180.763.500
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.553.105	11.553.105
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.165	3.564
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:		
	Lũy kế đến 30/06/2016	Lũy kế đến 30/06/2015
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.553.105	11.553.105
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.553.105	11.553.105

11b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.893 VND xuống còn 3.657 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty không có giao dịch nào

2. Tiền thu từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

3. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
---------------------------	--------------------

Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
----------------------	-------------

Các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà	
--------------------------------------------------------------	--

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.15, V.16, V.18, V.19 và V.20.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
Lũy kế đến 30/06/2016			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	509.423.746.212	60.678.603.643	570.102.349.855
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.423.746.212	60.678.603.643	570.102.349.855
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	39.782.416.627	22.210.533.781	61.992.950.408
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(32.733.766.530)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			29.259.183.878
Doanh thu hoạt động tài chính			1.805.388.710
Chi phí tài chính			(15.904.025.361)
Thu nhập khác			8.000.795.141
Chi phí khác			(1.304.532.926)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.892.201.902)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(1.812.347.752)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			17.152.259.788
Lũy kế đến 30/06/2015			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	471.397.866.027	74.155.157.710	545.553.023.737
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	471.397.866.027	74.155.157.710	545.553.023.737
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	65.849.779.606	16.274.407.230	82.124.186.836
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(23.286.110.994)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			58.838.075.842

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu hoạt động tài chính			609.795.542
Chi phí tài chính			(11.507.439.904)
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên danh			1.990.018.810
Thu nhập khác			1.129.881.989
Chi phí khác			(1.600.790.389)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(6.519.277.632)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(43.635.612)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			42.896.628.646
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	7.327.467.873	33.499.059.317	40.826.527.190
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.995.735.113	851.378.550	9.847.113.663

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	905.085.473.203	546.634.949.248	1.451.720.422.451
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			20.690.212.626
Tổng tài sản			1.472.410.635.077
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	626.386.747.124	333.416.232.642	959.802.979.766
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			88.555.247.984
Tổng nợ phải trả			1.048.358.227.750
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	590.937.977.126	496.550.679.548	1.087.488.656.674
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			276.744.607.554
Tổng tài sản			1.364.233.264.228
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	441.533.023.106	435.759.716.942	877.292.740.048
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			69.266.517.122
Tổng nợ phải trả			946.559.257.170

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

- (i) Phải thu ngắn hạn khác, tài sản thiếu chờ xử lý và tài sản ngắn hạn khác:
Trình bày lại số dư tạm ứng và Tài sản thiếu chờ xử lý đang phản ánh ở chỉ tiêu “tài sản ngắn hạn khác” sang các chỉ tiêu “ Phải thu ngắn hạn khác” và “tài sản thiếu chờ xử lý”
- (ii) Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính
Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển.
- (iii) Thu nhập khác và Chi phí khác
Lỗi hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là chênh lệch nhỏ hơn giữa thu từ thanh lý, nhượng bán với giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán và chi phí thanh lý được trình bày thuần ở chỉ tiêu “Chi phí khác”.
- (iv) Tăng, giảm các khoản phải thu và Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh
Trình bày lại khoản tăng, giảm chứng khoán kinh doanh ở chỉ tiêu riêng trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách tìm hiểu kỹ thông tin về khả năng tài chính trước khi giao dịch với khách hàng. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn cho công ty là bên liên quan vay tiền. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.9 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.247.638.147				45.247.638.147
Chứng khoán kinh doanh	10.090.891.600	7.749.000.000			17.839.891.600
Phải thu khách hàng	463.816.696.086			59.175.264.186	522.991.960.272
Các khoản cho vay	795.721.745				795.721.745
Các khoản phải thu khác	9.860.949.474				9.860.949.474
Cộng	529.811.897.052	7.749.000.000		59.175.264.186	596.736.161.238
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	209.014.051.321				209.014.051.321
Chứng khoán kinh doanh		22.688.821.388			22.688.821.388
Phải thu khách hàng	302.733.570.384			72.236.326.692	374.969.897.076
Các khoản cho vay	795.721.745				795.721.745
Các khoản phải thu khác	9.737.459.365				9.737.459.365
Cộng	522.280.802.815	22.688.821.388		- 72.236.326.692	617.205.950.895

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả người bán	213.788.272.712	14.357.224.626	258.498.769.472	486.644.266.810
Vay và nợ	231.350.398.807	9.721.669.006		241.072.067.813
Các khoản phải trả khác	238.332.611.766	500.000.000		238.832.611.766
Cộng	683.471.283.285	24.578.893.632	258.498.769.472	966.548.946.389
Số đầu năm				
Phải trả người bán	240.882.037.055	136.130.453.646	102.071.846.756	479.084.337.457
Vay và nợ	152.825.826.984	16.940.552.512		169.766.379.496
Các khoản phải trả khác	132.595.271.343	36.103.409.966		168.698.681.309
Cộng	526.303.135.382	189.174.416.124	102.071.846.756	817.549.398.262

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.247.638.147		209.014.051.321	
Chứng khoán kinh doanh	17.839.891.600	-1.885.001.635	22.688.821.388	(8.370.913.023)
Phải thu khách hàng	522.991.960.272	-46.336.915.350	374.969.897.076	(47.196.379.297)
Các khoản cho vay	795.721.745		795.721.745	
Các khoản phải thu khác	9.860.949.474		9.737.459.365	
Cộng	596.736.161.238	-48.221.916.985	617.205.950.895	(55.567.292.320)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	486.644.266.810	479.084.337.457
Vay và nợ	241.072.067.813	169.766.379.496
Các khoản phải trả khác	238.832.611.766	168.698.681.309
Cộng	<u>966.548.946.389</u>	<u>817.549.398.262</u>

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngu

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn